VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam

Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 44/2013/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2013.

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam.[1]

---

[1] Thông tư số 44/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2012/TT- BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2013, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng; bến thuộc nội thủy Việt Nam."

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu cao tốc là tàu, thuyền chở khách có tốc độ từ 30 km/giờ trở lên.

2. Thuyền vận tải đường thủy bao gồm các tuyến vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên luồng hàng hải và luồng đường thủy nội địa.

3. Cảng vụ liên quan là Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc Cảng vụ hàng hải.

Chương II
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ, BAO GỬI BẰNG TÀU CAO TỐC

Điều 4. Vận tải, vận tải thử, vé hành khách; bảo quản hành lý, bao gửi; tranh chấp, bồi thường và thẩm quyền chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam

1. Vận tải, vận tải thử, vé hành khách; bảo quản hành lý, bao gửi; tranh chấp, bồi thường và thẩm quyền chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa.

2. Trường hợp tuyến vận tải đường thủy trùng một phần hoặc trùng hoàn toàn với luồng hàng hải, cơ quan chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định chỉ chấp thuận khi có ý kiến đồng thuận của Cảng vụ hàng hải liên quan.

Điều 5. Thủ tục vào và rời cảng

1. Thủ tục vào và rời cảng đối với tàu cao tốc hoạt động trên tuyến vận tải đường thủy cố định thực hiện theo Điều 15 của Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT

ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.

2. Cảng vụ liên quan cấp phép cho tàu rời cảng, bến có trách nhiệm theo dõi hành trình của tàu cao tốc từ cảng, bến đó đến cảng, bến cuối cùng của hành trình; chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý khi tàu cao tốc gặp sự cố, tai nạn trên hành trình.

Điều 6. Đăng ký chất lượng dịch vụ

1. Nội dung đăng ký chất lượng

a) Đối với tàu cao tốc gồm: tên tàu, số ghế, năm sản xuất, nơi sản xuất, trang thiết bị phục vụ hành khách trên tàu;

b) Phương án tổ chức vận tải: việc chấp hành phương án hoạt động trên tuyến, hành trình, công tác bảo đảm an toàn giao thông;

c) Các quyền lợi của hành khách gồm: bảo hiểm, số lượng hành lý mang theo được miễn cước và các dịch vụ hành khách trên hành trình.

2. Người kinh doanh vận tải nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính theo tuyến cố định. Hồ sơ bao gồm:

a) 02 bản Đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải theo mẫu tại Phụ lục của Thông tư này;

b) Đối với người kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy chứng nhận quản lý chất lượng dịch vụ theo hệ thống quản lý chất lượng ISO thì gửi kèm bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quản lý chất lượng dịch vụ theo hệ thống quản lý chất lượng ISO.

3. Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn người kinh doanh vận tải hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ thì Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản chậm nhất 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải xác nhận vào bản Đăng ký chất lượng dịch vụ và trả lại cho người kinh doanh vận tải 01 bản. Trường hợp không xác nhận, phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định tại khoản này và nêu rõ lý do.

Điều 7. Quy định về việc niêm yết công khai

1. Niêm yết trên tàu: số điện thoại đường dây nóng của người kinh doanh vận tải và nội quy đi tàu.

2. Niêm yết tại bến tàu, tại quầy bán vé: thời gian xuất bến, số chuyến lượt, giá vé, chính sách giảm vé theo quy định pháp luật và của người kinh doanh vận tải, hành trình (bao gồm cả các điểm dừng nghỉ, thời gian dừng, nghỉ), dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình, bảo hiểm hành khách, hành lý miễn cước, số điện thoại nhận thông tin phản ánh của hành khách.

Điều 8. Xử lý tai nạn trong vùng nước cảng, bến, đường thủy nội địa

Tổ chức, cá nhân liên quan xử lý tai nạn trong vùng nước cảng, bến, đường thủy nội địa theo Điều 7 Luật Giao thông đường thủy nội địa và Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa. Trường hợp tàu gặp sự cố, tai nạn mà không có khả năng khắc phục trong vòng 30 phút, phải thông báo ngay đến Trung tâm phối hợp Tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực để tổ chức cứu hộ hoặc cứu nạn.

Điều 9. Xử lý tai nạn trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải[2]

Tổ chức, cá nhân liên quan xử lý tai nạn trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải theo Thông tư số 27/2012/TT-BGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải. Trường hợp tàu gặp sự cố, tai nạn mà không có khả năng khắc phục trong vòng 30 phút, phải thông báo ngay đến Trung tâm phối hợp Tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực để tổ chức cứu hộ hoặc cứu nạn.

Điều 10. Đình chỉ hoạt động tạm thời đối với tàu cao tốc

Ngoài các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, Cảng vụ liên quan thực hiện đình chỉ hoạt động đối với tàu cao tốc gặp sự cố, tai nạn có ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật của tàu và chỉ cho phép hoạt động lại khi có ý kiến của các cơ quan đăng kiểm liên quan về việc tàu cao tốc đủ điều kiện an toàn kỹ thuật để tiếp tục hoạt động.

Điều 11. Xử phạt các hành vi vi phạm hành chính[3]

Cơ quan có thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 44/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2013.

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 44/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2013.

Chương III
YÊU CẦU KỸ THUẬT, TRANG THIẾT BỊ

Điều 12. Yêu cầu kỹ thuật, trang thiết bị an toàn của tàu cao tốc[4]

1. Ngoài các yêu cầu kỹ thuật, trang thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc (QCVN 54:2013/BGTVT), các tàu cao tốc phải trang bị thêm thiết bị giám sát hành trình hoặc thiết bị khác có tính năng tương đương (sau đây gọi chung là thiết bị giám sát hành trình) được đăng ký công bố hợp quy, có dấu hợp quy theo quy định tại Thông tư số 08/2011/TT-BGTVT ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình của xe ôtô.

2. Đối với tàu cao tốc loại tàu cánh ngầm hoặc loại tàu đệm khí, ngoài trang thiết bị thỏa mãn theo quy định tại khoản 1 Điều này phải trang bị thêm thiết bị AIS (Hệ thống nhận dạng tự động) tối thiểu ở cấp độ B. Thiết bị AIS phải thỏa mãn theo Tiêu chuẩn IEC 61162-1, IEC 662287-1 và IEC 60945 do Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế (IEC) công bố.

3. Tàu cánh ngầm, tàu đệm khí đưa vào hoạt động kinh doanh sau ngày Thông tư này có hiệu lực chỉ phải trang bị thiết bị AIS.

Điều 13. Thiết bị an toàn của tàu cao tốc[5]

1. Người kinh doanh vận tải bằng tàu khách cao tốc phải duy trì tình trạng kỹ thuật tốt của thiết bị giám sát hành trình của tàu cao tốc và phải bật liên tục kể từ khi tàu cao tốc đón hành khách đầu tiên tại cảng xuất phát đến khi tiễn hành khách cuối cùng tại cảng đích.

2. Thiết bị giám sát hành trình của tàu cao tốc phải đảm bảo tối thiểu các yêu cầu sau đây:

a) Thông tin: thông tin về hành trình, tốc độ vận hành; số lần và thời gian dừng, đỗ và phải được lưu trữ trong vòng 01 năm;

b) Luôn kết nối mạng internet và cung cấp các thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Người kinh doanh vận tải bằng tàu cánh ngầm, tàu đệm khí phải lắp đặt, duy trì tình trạng kỹ thuật tốt của thiết bị AIS; được kết nối với hệ thống kiểm soát của các Cảng vụ Hàng hải khu vực và việc kết nối này phải được các Cảng vụ Hàng hải khu vực xác nhận.

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 44/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2013.

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 44/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2013.

4. Cảng vụ Hàng hải nơi có tàu cánh ngầm, tàu đệm khí hoạt động có trách nhiệm kiểm tra và theo dõi hoạt động của tàu thông qua thiết bị AIS.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 14. Trách nhiệm của người kinh doanh vận tải

Ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Giao thông đường thủy nội địa, người kinh doanh vận tải còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

1. Công khai chất lượng dịch vụ.

2. Trong thời gian ít nhất 10 phút trước khi tàu rời cảng, bến, nhân viên phục vụ hoặc thuyền viên có trách nhiệm hướng dẫn, cung cấp thông tin về nội quy đi tàu (áp dụng cho hành khách), vị trí và cách sử dụng các trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa.

3. Thông báo cho Sở Giao thông vận tải liên quan, thông báo tại các cảng, bến đón trả khách trước 03 ngày khi có sự cố thay đổi biểu đồ chạy tàu hoặc lịch trình chạy tàu; trước 12 giờ khi có thay đổi thời gian xuất bến.

4. Quản lý, lưu trữ thông tin bắt buộc, cung cấp đầy đủ các thông tin bắt buộc cho các Sở Giao thông vận tải liên quan, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Cảng vụ liên quan khi được yêu cầu.

5. Trong thời gian ít nhất 10 phút trước khi tàu đến cảng, bến đón trả hành khách, nhân viên phục vụ trên tàu (hoặc sử dụng hình ảnh hướng dẫn qua hệ thống màn hình) cung cấp thông tin về cảng, bến, thời gian phương tiện lưu lại và các thông tin cần thiết khác.

6. Phải thanh toán chi phí tập huấn công tác cứu hộ, cứu nạn; thanh toán toàn bộ tiền công cứu hộ cho các tổ chức, cá nhân liên quan tham gia công tác cứu hộ.

7. Phối hợp với Trung tâm Tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực tập huấn công tác cứu hộ và cứu nạn với thời gian 02 năm một lần.

8. Tham gia diễn tập và thực hiện đầy đủ phương án phối hợp tìm kiếm, cứu nạn do Trung tâm Tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực triển khai thực hiện với thời gian 02 năm một lần.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

Ngoài trách nhiệm đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan hiệp thương giờ xuất bến.

Điều 16. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

Ngoài trách nhiệm đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải thực hiện:

1. Hướng dẫn các Chi cục, Chi nhánh đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản về kết quả kiểm tra bất thường theo yêu cầu kiểm tra khi nhận được yêu cầu kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo với Bộ Giao thông vận tải các vấn đề liên quan đến tàu khách cao tốc thuộc trách nhiệm được giao.

3. Định kỳ hoặc đột xuất thanh tra, kiểm tra tình trạng an toàn kỹ thuật, an ninh và bảo vệ môi trường đối với tàu khách cao tốc và xử lý theo thẩm quyền khi cần thiết.

Điều 17. Trách nhiệm của Trung tâm phối hợp Tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực

Ngoài trách nhiệm đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, Trung tâm phối hợp Tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực phải thực hiện:

1. Tổ chức diễn tập phối hợp tìm kiếm, cứu nạn.

2. Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ về tìm kiếm cứu nạn cho các tổ chức, cá nhân liên quan.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Hiệu lực thi hành[6]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2012.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục Đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành[7]

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 31/VBHN-BGTVT

XÁC NHẬN VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

---

[6] Điều 2 Thông tư số 44/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2013, quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2013"

[7] Điều 3 Thông tư số 44/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2013, quy định như sau:

"***Điều 3. Tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng các Cục: Đường thủy nội địa Việt Nam, Hàng hải Việt Nam, Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên người kinh doanh.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……, ngày.... tháng..... năm.....

ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI

Kính gửi:..... (Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên người kinh doanh:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày.... tháng.... năm..... nơi cấp.....

5. Nội dung đăng ký:

a) Chất lượng phương tiện:

- Nhãn hiệu:....., năm sản xuất:....., số ghế:.....

- Trang thiết bị phục vụ hành khách trên tàu:.....

.....

b) Phương án tổ chức vận tải: việc chấp hành phương án hoạt động trên tuyến, hành trình, công tác bảo đảm an toàn giao thông;

c) Các quyền lợi của hành khách gồm: bảo hiểm, số lượng hành lý mang theo được miễn cước, quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin kiến nghị của hành khách và phản ánh của thông tin đại chúng, số điện thoại tiếp nhận thông tin phản ảnh của hành khách;

d) Các dịch vụ phục vụ hành khách gồm: nước uống, khăn mặt, các dịch vụ khi dừng nghỉ dọc hành trình, dịch vụ y tế.

Đơn vị kinh doanh cam kết những nội dung đã đăng ký.

Đại diện.....

(Ký tên, đóng dấu)